

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Nhật Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Mỹ V, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18-6-2019)

2. *Bị đơn:* Lê Văn C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ V và anh Lê Văn C tự tìm hiểu nhau và được cha mẹ tổ chức đám cưới vào năm 2015, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Bình Dương, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường nhậu nhẹt về nhà chửi mắng, đánh đập chị. Từ tháng 11-2018, chị V về nhà cha mẹ ruột và ly thân với anh C cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị V xin được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hoàng Bảo N sinh ngày 20-01-2016, hiện nay cháu N đang sống với chị V. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị V về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh chị tổ chức đám cưới vào năm 2015 nhưng do công việc làm ăn nên đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Bình Dương, trong cuộc sống vợ chồng cũng thường xảy ra cự cãi nhưng mâu thuẫn không lớn. Anh C thừa nhận có một lần vợ chồng cãi nhau và V có thái độ hỗn với anh, anh có rượu nên không kiềm chế được nóng giận đã đánh V một cái. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 11- 2018 đến nay do V tự ý bỏ về quê. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị V thì anh C đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hoàng Bảo N sinh ngày 20-01-2016, hiện nay cháu N đang sống với chị V. Sau khi ly hôn anh đồng ý cho chị V tiếp tục nuôi con. Tuy nhiên, trong thời gian ly thân V và gia đình bên ngoài không cho anh rước cháu N về thăm ông bà nội, do đó anh yêu cầu chị V phải anh thỉnh thoảng rước con về thăm gia đình bên nội. Anh không cấp dưỡng nuôi con cố định, nhưng trong quá trình thăm con, anh sẽ hỗ trợ V nuôi con trong khả năng của anh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến bổ sung.

- Bị đơn đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị V nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V, giao cháu Lê Hoàng Bảo N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

1.1 *Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa chị Trần Thị Mỹ V và anh Lê Văn C là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 *Thẩm quyền giải quyết:* Anh Lê Văn C hiện có đăng ký hộ khẩu và đang

sinh sống tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Ngày 18-6-2019, chị Trần Thị Mỹ V có đơn xin xét xử vắng mặt, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[2] Nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị V và anh C có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2018 ngày 23-7-2018. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị V và anh C được đoàn tụ, nhưng chị V cương quyết ly hôn, anh C không tham gia hòa giải tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh C cũng đồng ý ly hôn với chị V; Anh chị đã ly thân từ tháng 11-2018 đến nay, cả hai không quan tâm và không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong cuộc sống hôn nhân. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị V và anh C.

2.2 Về con chung: Chị V và anh C có 01 con chung tên Lê Hoàng Bảo N sinh ngày 20-01-2016, hiện nay cháu N đang sống với chị V. Sau khi ly hôn chị V và anh C đều thống nhất giao cháu N cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu N đang sống với chị V, để cho cuộc sống của cháu được ổn định, không bị xáo trộn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Hoàng Bảo N cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh C có nguyện vọng được thỉnh thoảng rước con về thăm ông bà nội, yêu cầu của anh C không trái quy định của pháp luật. Do đó, chị V và gia đình phải tạo điều kiện cho anh C trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh C đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại

khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ V.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ V được ly hôn với anh Lê Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2018 ngày 23-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Mỹ V được quyền nuôi con chung tên Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 20-01-2016.

Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Mỹ V không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Trần Thị Mỹ V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014114 ngày 06-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. *Quyền kháng cáo:* Anh Lê Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30-7-2019). Chị Trần Thị Mỹ V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Giao